TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thúy Nga và bà Nguyễn Thị Quy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2023, tại Phòng xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2023/TLST- HNGĐ ngày 21/04/2023, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Minh T**, sinh năm 1979

HKTT: số nhà 1831/G, tổ 2, ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Quán Hồng Vân 2, đường Hùng Vương, thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Minh T kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn số 44, quyển số 01/2001, ngày 31/07/2001 tại UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước đây anh đi chấp hành hình phạt tù với án phạt là 08 năm về tội trộm cắp tài sản, ngày 27/01/2022 chấp hành án xong. Trong thời gian đi tù thì chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác nên

vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, chị T chuyển về Bà Rịa – Vũng Tàu buôn bán. Anh nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Lê Thanh Th, sinh ngày 02/03/1999, Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 23/05/2001 và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 06/02/2009. Hiện nay 02 con chung Thanh Th, Hữu Kh đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh thỏa thuận đồng ý giao con chung Trâm A cho chị T được nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 07/8/2023 của bị đơn chị Lê Thị Minh T trình bày.

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998 hai người bắt đầu chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn ngày 31/7/2001 tại UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì P sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P đi tù về tội Trộm cắp tài sản và chấp hành án 08 năm tù, chị ở một mình nuôi con chăm sóc gia đình, đến khi anh P chấp hành án xong trở về thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến ly thân. Chị chuyển về Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu làm ăn. Nay anh P yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Lê Thanh Th, sinh ngày 02/03/1999, Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 23/05/2001 và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 06/02/2009. Hiện nay 02 con chung Thanh Th, Hữu Kh đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trâm Anh và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

P biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P. Về hôn nhân: Cho anh P được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung Trâm Anh cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu, đối với 02 con chung Thanh Thảo, Hữu Khang đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng. Tài sản chung: tự thỏa thuận; Nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Anh P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Minh T có nơi cư trú tại ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Anh P yêu cầu ly hôn vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 21/04/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc anh P xin ly hôn với chị T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh là nguyên đơn, chị T là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh P và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 44, quyển số 01/2001, ngày 31/07/2001 tại UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại bản khai ngày 07/08/2023 của chị T và biên bản xác minh ngày 22/6/2023 thể hiện vợ chồng anh có mâu thuẫn từ năm 2017, thời điểm anh P chấp hành án phạt tù 08 năm về tội trộm cắp tài sản thì chị T ở nhà 01 mình nuôi con, khi anh P trở về địa phương thì chị T chuyển qua huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu buôn bán và thỉnh thoảng cũng có về thăm nhà. Tuy nhiên từ đó đến nay thì 02 người không còn chung sống với nhau cho đến nay, không chia sẻ quan T và bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Nay chị T cũng đồng ý ly hôn với anh P. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh P và chị T đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho anh P được ly hôn với chị T.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Nguyễn Lê Thanh Thảo, sinh ngày 02/03/1999, Nguyễn Hữu Khang, sinh ngày 23/05/2001 và Nguyễn Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 06/02/2009. Hiện nay 02 con chung Thanh Thảo, Hữu Khang đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng, vì vậy Tòa án không xem xét. Anh P và chị T thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc Trâm Anh cho chị T nuôi dưỡng. Hiện chị T làm nghề buôn bán có thu nhập hàng tháng ổn định đủ điều kiện nuôi con, đồng thời trong thời gian anh P đi tù 08 năm và thời điểm sống ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con

chu đáo. Bên cạnh đó con chung Trâm Anh có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung P triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, T lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung Trâm Anh cho chị T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 18, Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu P.

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu P được ly hôn với chị Lê Thị Minh T.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Nguyễn Lê Thanh Th, sinh ngày 02/03/1999, Nguyễn Hữu Kh, sinh ngày 23/05/2001 và Nguyễn Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 06/02/2009. Hiện nay 02 con chung Thanh Th, Hữu Kh đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không ai phải nuôi dưỡng, vì vậy Tòa án không xem xét.

Giao con chung Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 06/02/2009 cho chị Lê Thị Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh P nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh P và chị T có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ anh P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004318 ngày 21/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh P và chị T biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 44, quyển số 01/2001 ngày 31/7/2001 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Lan